

Bản án số: 203/2024/DS-PT

Ngày: 13/12/2024

V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Thái Văn Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*
Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 180/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Cảnh V – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: số E đường T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Văn phòng C

Địa chỉ: Số B đường L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình T – Trưởng Văn phòng; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đặng Văn V1; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Hồng N; vắng mặt.

- Bà Huỳnh Mỹ H; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Ông Nguyễn Thành N1; cư trú tại: Thôn L, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh V - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ trình bày:

Theo Bản án dân sự số 04/2018/ DSST ngày 15/01/2018 của Toà án nhân dân huyện Phù Mỹ thì vợ chồng ông Đặng Văn V1 và bà Phạm Thị Hồng N là người phải thi hành án, có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H1 số tiền 155.602.500 đồng và khoản tiền lãi do chậm thi hành án. Quá trình thi hành án, ông V1, bà N đã nộp được 40.000.000 đồng. Qua xác minh về điều kiện thi hành án thì ông V1, bà N không có tài sản gì khác ngoài chiếc xe ô tô biển số kiểm soát 77C-119.52 đứng tên ông V1. Vào năm 2016, chiếc xe trên đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng TMCP S (S1). Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phù Mỹ đã có văn bản gửi đến SCB, Công an tỉnh B và tất cả các Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Định để phối hợp tạm dừng việc thực hiện các yêu cầu liên quan đến các giao dịch đối với tài sản trên. Nhưng sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng vào ngày 21/9/2022 thì ngày 22/9/2022 ông V1, bà N đã bán chiếc xe ô tô trên cho ông Nguyễn Thành N1, hợp đồng mua bán được Văn phòng C thực hiện việc công chứng, nhưng chưa hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu. Sau khi bán xe ông V1, bà N không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án nên việc mua bán xe trên với mục đích là tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với bà H1. Nay Chấp hành viên Nguyễn Cảnh V yêu cầu tuyên bố Hợp đồng mua bán xe số công chứng 6853, quyền số 09/2022/TP/CC-SCC-HĐGD ngày 22/9/2022 tại Văn phòng C giữa vợ chồng ông Đặng Văn V1, bà Phạm Thị Hồng N với ông Nguyễn Thành Nam vô H2, không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Bị đơn Văn phòng C do ông Đặng Đình T là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Vào ngày 22/9/2022 Văn phòng C tiến hành việc chứng thực hợp đồng mua bán xe giữa bên bán là vợ chồng bà N - ông V1 còn bên mua xe là ông N1. Hợp đồng mua bán xe, biển số 77C-199.52, nhãn hiệu CAMC, loại xe tải có mui, số loại SAOVIET/, màu ghi, số máy 21615K069402, số khung CE62FB011241, số công chứng 6853, quyền Số 09 TP/CC-SCC/HĐGD do ông Đặng Đình T là Công chứng viên Văn phòng C chứng nhận ngày 22/9/2022. Ông V1 và ông N1 là người trực tiếp viết phiếu yêu cầu công chứng và nộp kèm các giấy tờ bản gốc như: Chứng minh nhân dân, Giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 77C-119.52, Giấy chứng nhận đăng ký kiểm định. Cả hai bên yêu cầu soạn thảo bản dự thảo hợp đồng mua bán xe với giá bán thỏa thuận là 320.000.000đ. Sau khi tiếp nhận yêu cầu

và nhận các giấy tờ, đã tiến hành kiểm tra trên hệ thống UCHI, tất cả các tra cứu hiển thị trên hệ thống đều không hiển thị về việc tạm dừng các giao dịch liên quan đến chiếc xe 77C-119.52. Kiểm tra trên hệ thống đăng ký trực tuyến trên cổng thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm không thể hiện chiếc xe 77C-119.52 đang đăng ký thế chấp. Kiểm tra Công văn đến: Ngày 29/6/2022 theo sổ công văn đến không có nhận công văn liên quan đến tạm dừng chuyển dịch chiếc xe ô tô 77C-11952 mà chỉ có thể hiện nhận công văn đến số 413/CCTHADS ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Phù Mỹ liên quan đến việc tạm dừng chuyển dịch đến chiếc xe ô tô 77C- 09973. Sau khi xác định người yêu cầu công chứng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các giấy tờ hợp lệ, đối chiếu các dữ liệu đã tra cứu, kiểm tra năng lực hành vi dân sự, sự tự nguyện giao kết hợp đồng của người yêu cầu công chứng, phạm vi yêu cầu công chứng liên quan đến hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên đã tiến hành soạn thảo dự thảo hợp đồng và chuyển lại cho họ đọc toàn bộ nội dung. Cả hai đều đồng ý với bản dự thảo và không yêu cầu điều chỉnh gì liên quan đến hợp đồng. Ông N1, ông V1, bà N cam kết đã tìm hiểu kỹ và cam kết chịu trách nhiệm về giấy tờ đã cung cấp, sử dụng đúng giấy tờ, trung thực và không có hành vi gian dối, không yêu cầu thẩm tra, xác minh. Cả hai bên đã ký, điểm chỉ vào trang 03 của hợp đồng mua bán xe. Việc công chứng Hợp đồng mua bán xe trên đã tuân thủ đúng quy trình công chứng theo quy định Luật công chứng, Công chứng viên đã ghi lời chứng, chuyển bộ phận kế toán đóng dấu, vào sổ công chứng, thu phí và trả hồ sơ cho các bên. Nay Văn phòng C không chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên về đề nghị tuyên bố Hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông Đặng Văn V1- bà Phạm Thị Hồng N với ông Nguyễn Thành Nam vô H2, Văn phòng không có yêu cầu giải quyết hậu quả nếu văn bản công chứng trên vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N1 trình bày:

Giữa ông và ông Đặng Văn V1 có quan hệ là anh rể em vợ, vợ ông là chị ruột của V1. Vào tháng 02/2016, giữa ông và vợ chồng ông V1, bà N có hùn vốn mua 01 chiếc xe, biển số 77C-199.52 với số tiền là 1.650.000.000 đồng, thỏa thuận ông Đặng Văn V1 đứng tên vì con của ông chưa có Giấy phép lái xe. Đến năm 2017, chiếc xe trên do con trai của ông trực tiếp điều khiển với ông V1. Thời điểm sau khi mua xe, hai bên thống nhất thế chấp Ngân hàng để vay lấy tiền trả mua xe. Số tiền vay là 980.000.000 đồng. Ngày 21/9/2022 ông V1, bà N thanh toán xong khoản tiền vay của S1. Thực tế giá trị xe tại thời điểm chuyển nhượng là 980.000.000 đồng, ông thối lại cho vợ chồng ông V1 490.000.000 đồng để lấy chiếc xe, hai bên thống nhất ghi trong hợp đồng là 320.000.000 đồng để giảm đóng thuế. Hiện ông là người đang quản lý sử dụng xe chiếc xe biển số 77C-199.52, xe đang tình trạng bình thường. Nay ông không chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên, ông đề nghị công nhận hợp đồng mua bán xe giữa ông với vợ chồng bà N, V1 có hiệu lực. Nếu hợp đồng mua bán xe trên bị vô hiệu thì ông không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng N trình bày:

Giữa bà và ông N1 có quan hệ là em dâu anh rể, vợ ông N1 là chị ruột của chồng bà. Bà thống nhất toàn bộ như lời trình bày của ông N1, vào năm 2016 giữa vợ chồng bà và ông N1 có hùn vốn mua xe, thỏa thuận ông Đặng Văn V1 là người đứng tên chủ xe về số tiền mua và quá trình chuyển nhượng như ông N1 trình bày. Thực tế chuyển nhượng xe là để giải quyết việc hùn vốn cho ông N1 đứng tên giấy tờ xe, số tiền ông N1 giao là trả vào Ngân hàng để lấy giấy tờ xe nên không có tiền để nộp thi hành án cho bà H1. Nay bà không chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên, bà đề nghị công nhận hợp đồng mua bán xe trên. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì vợ chồng bà cũng không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Ông V1 vì đi làm xa nên không tham gia tố tụng tại Tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn V1: Không lấy được lời khai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1 trình bày:

Giữa bà với ông Nguyễn Cảnh V, vợ chồng bà N và ông N1 không có quan hệ bà con họ hàng gì. Vợ chồng ông V, bà N là người phải thi hành án cho bà. Bà thống nhất toàn bộ nội dung trình bày của Chấp hành viên về Hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông Đặng Văn V1, bà Phạm Thị Hồng N với ông Nguyễn Thành N1. Nay bà yêu cầu Tòa chấp nhận yêu cầu Chấp hành viên, tuyên bố Hợp đồng mua bán xe trên vô hiệu và bà cũng không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ - ông Nguyễn Cảnh V. Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông Đặng Văn V1- bà Phạm Thị Hồng N với ông Nguyễn Thành N1 do Văn phòng C công chứng vào ngày 22/9/2022 số công chứng 6853, quyền số 09/2022/TP/CC-SCC-HĐGD vô hiệu.

Buộc ông Nguyễn Thành N1 giao trả chiếc xe Ô tô biển số 77C-199.52, nhãn hiệu CAMC, loại xe tải có mui, số loại SAOVIET, màu ghi, số máy 21615K069402, số khung CE62FB011241 cho vợ chồng ông Đặng Văn V1- bà Phạm Thị Hồng N.

Buộc vợ chồng ông Đặng Văn V1- bà Phạm Thị Hồng N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thành N1 số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, ông Nguyễn Thành N1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông Đặng Văn V1 và bà Phạm Thị Hồng N với ông Nguyễn Thành N1 có hiệu lực.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành N1, HĐXX thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh V Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ là có căn cứ, bởi lẽ: Mặc dù về hình thức Hợp đồng mua bán xe số công chứng: 6853, quyền số 09/2022/TP/CC-SCC-HĐGD ngày 22/9/2022 tại Văn phòng C giữa bên bán vợ chồng ông là ông Đặng Văn V1, bà Phạm Thị Hồng N và bên mua là ông Nguyễn Thành N1 không vi phạm về mặt hình thức. Tuy nhiên, trước khi xảy ra việc mua bán xe giữa hai bên, thì Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DSST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ với nội dung buộc vợ chồng ông V1, bà N phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H1 155.602.500 đồng và khoản tiền lãi nếu chậm thi hành án đã có hiệu lực pháp luật. Quá trình thi hành án, vợ chồng ông V1, bà N đã thi hành được 40.000.000 đồng. Vợ chồng ông V1, bà N không có tài sản gì khác để thi hành án ngoài chiếc xe ô tô biển số kiểm soát 77C-119.52 (trước đó chiếc xe này đã thế chấp để vay tiền tại N hàngTMCP S). Vào ngày 21/9/2022 ông V1, bà N trả hết nợ cho Ngân hàng và ngày 22/9/2022 họ đã bán chiếc xe nêu trên cho ông Nguyễn Thành N1 với giá 320.000.000 đồng, nhưng xe chưa được sang tên cho ông N1. Tiền thu được từ việc bán xe vợ chồng ông V1, bà N không sử dụng để thi hành án cho bà H1. Như vậy vợ chồng ông V1, bà N đã có hành vi tẩu tán tài sản để trốn tránh thi hành án. Do đó, Hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông V1, N và ông N1 số công chứng: 6853, quyền số 09/2022/TP/CC-SCC-HĐGD ngày 22/9/2022 tại Văn phòng C bị vô hiệu kể từ khi xác lập, do mục đích, nội dung của hợp đồng vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Thành N1 là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông N1 được miễn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự
Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số:
326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành N1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh V Chấp hành viên Chi cục hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Tuyên bố H3 bán xe giữa vợ chồng ông Đặng Văn V1 và bà Phạm Thị Hồng N với ông Nguyễn Thành N1 do Văn phòng C công chứng vào ngày 22/9/2022 số công chứng 6853, quyền số 09/2022/TP/CC-SCC-HĐGD vô hiệu.

3. Buộc ông Nguyễn Thành N1 giao trả chiếc xe ô tô biển kiểm soát 77C-199.52, nhãn hiệu CAMC, loại xe tải có mui, số loại SAOVIET, màu ghi, số máy 21615K069402, số khung CE62FB011241 cho vợ chồng ông Đặng Văn V1 và bà Phạm Thị Hồng N.

3. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn V1 và bà Phạm Thị Hồng N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thành N1 số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

4. Về án phí:

4.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Văn phòng C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành N1 được miễn.

5. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TX. An Nhơn;
- Chi cục THADS TX. An Nhơn;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

Võ Công Phương

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

NHẬN ĐỊNH CỦA CẤP SƠ THẨM

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, ông Nguyễn Cảnh Vương yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Văn bản công chứng do Văn phòng công chứng Bình Định chứng thực nên theo quy định tại Khoản 11 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”. Bị đơn là Văn phòng công chứng Bình Định có trụ sở tại phường Bình Định, thị xã An Nhơn nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Văn phòng công chứng Bình Định, người đại diện theo pháp luật là ông Đặng Đình Thuận có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Vương Tòa đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông vẫn không có mặt tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Đình Thuận và ông Đặng Văn Vương.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Vương thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông vẫn vắng mặt, ông không đến Tòa làm việc, từ bỏ quyền tham gia tố tụng vụ án nên theo Điều 70, 73, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về hình thức hợp đồng mua bán xe trên được lập thành văn bản có chữ ký, điểm chỉ của bên mua là ông Nam và bên bán là ông Vương- bà Ngự, lời chứng trong hợp đồng, các phiếu yêu cầu công chứng đầy đủ. Còn về tra cứu thông tin công văn đi theo mã vận đơn Chi cục Thi hành án dân sự Phù Mỹ gửi 02 công văn số 416/CCTHADS ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Phù Mỹ liên quan đến việc tạm dừng chuyển dịch liên quan đến chiếc xe ô tô 77C-11952 và công văn đến số 413/CCTHADS ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Phù Mỹ liên quan đến việc tạm dừng chuyển dịch đến chiếc xe ô tô 77C-09973 nhưng bên Văn phòng công chứng Bình Định kiểm tra trong bì thư có mã vận đơn chuyển đến chỉ nhận công văn đến số 413/CCTHADS ngày 27/6/2022 nên trường hợp này việc gửi công văn tạm dừng chuyển dịch xe ô tô 77C-11952 là chưa đảm bảo. Qua phân tích trên xác định hình thức công chứng hợp đồng

mua bán xe số công chứng 09/2022/TP/CC-SCC-HĐGD ngày 22/9/2022 tại Văn phòng công chứng Bình Định giữa vợ chồng ông Đặng Văn Vương - bà Phạm Thị Hồng Ngự với ông Nguyễn Thành Nam phù hợp với quy định tại Điều khoản 2 Điều 117 và Điều 430 Bộ luật Dân sự không vi phạm quy định về hình thức của văn bản.

[4]. Xét yêu cầu của Chấp hành viên về đề nghị tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông Vương - bà Ngự với ông Nam do Văn phòng công chứng Bình Định chứng thực. Trước khi xảy ra giao dịch mua bán đã có bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/ DSST ngày 15/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, bản án đã có hiệu lực, vợ chồng ông Vương- bà Ngự có nghĩa vụ trả cho bà Hiệp, quá trình thi hành án, bà Ngự đã nộp được 40.000.000 đồng. Qua xác minh ở địa phương thì họ không có tài sản gì khác để thi hành án ngoài chiếc xe ô tô biển số kiểm soát 77C-119.52, trước đó chiếc xe này đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB). Vào ngày 21/9/2022 họ trả hết nợ cho Ngân hàng và ngày 22/9/2022 ông Vương- bà Ngự đã giao dịch Hợp đồng mua bán xe cho ông Nam. Hợp đồng này đã được Văn phòng công chứng Bình Định thực hiện việc công chứng nhưng chưa được sang tên cho ông Nam. Số tiền thu được từ việc chuyển nhượng ông Vương - bà Ngự không sử dụng để thi hành án và hiện ông bà không còn tài sản khác để đảm bảo thi hành án. Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự; khoản 11 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP, ngày 17/3/2020 của Chính phủ: *“Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án...”*. Như vậy, việc vợ chồng ông Vương-bà Ngự chuyển nhượng xe ô tô biển số kiểm soát 77C-119.52 cho ông Nam là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với bà Hiệp nên Hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông Vương- bà Ngự và ông Nam là trái pháp luật, vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự.

Từ phân tích trên, Tòa chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên, tuyên bố Hợp đồng mua bán xe số công chứng 09/2022/TP/CC-SCC-HĐGD ngày 22/9/2022 tại Văn phòng công chứng Bình Định giữa vợ chồng ông Đặng Văn Vương- bà Phạm Thị Hồng Ngự với ông Nguyễn Thành Nam vô hiệu.

[6] Về hậu quả của giao dịch vô hiệu, theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự *“... Giao dịch dân sự vô hiệu ... hoàn trả cho nhau những gì đã nhận”* nên ông Nguyễn Thành Nam giao trả lại chiếc xe ô tô biển số 77C-199.52 cho ông Đặng Văn Vương-bà Phạm Thị Hồng Ngự và ông Vương - bà Ngự trả lại số tiền 320.000.000đ cho ông Nam. Thời điểm các bên giao xe và giao tiền khi bản án có hiệu lực. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trên, hiện nay các đương sự trong vụ án không ai có yêu cầu, ông Đặng Văn Vương vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên khi các đương sự có yêu cầu sẽ xem xét bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng công chứng Bình Định phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 11 Điều 26, 35, 39, 70, 73, 96, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Áp dụng các Điều 117, 123, 131 và Điều 132 của Bộ luật Dân sự; Điều 24 Nghị định 62/CP ngày 28/7/2015 của Chính Phủ; Khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 33/2020/NĐ-CP, ngày 17/3/2020 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chấp hành viên Chi cục hành án dân sự huyện Phù Mỹ - ông Nguyễn Cảnh Vương. Tuyên bố Hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông Đặng Văn Vương- bà Phạm Thị Hồng Ngự với ông Nguyễn Thành Nam do Văn phòng công chứng Bình Định công chứng vào ngày 22/9/2022 số công chứng 6853, quyển số 09/2022/TP/CC-SCC-HĐGD vô hiệu.

2. Buộc ông Nguyễn Thành Nam giao trả chiếc xe Ô tô biển số 77C-199.52, nhãn hiệu CAMC, loại xe tải có mui, số loại SAOVIET, màu ghi, số máy 21615K069402, số khung CE62FB011241 cho vợ chồng ông Đặng Văn Vương- bà Phạm Thị Hồng Ngự.

3. Buộc vợ chồng ông Đặng Văn Vương- bà Phạm Thị Hồng Ngự có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thành Nam số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

4. Về án phí: Buộc Văn phòng công chứng Bình Định phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

